

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B2LX**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MD003008**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Bảng tính điện tử**

Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802033177	Nguyễn Xuân An	28/11/2007			10	10	10.0	9.0			9.0		9.3
2	2254802033178	Huỳnh Kim Anh	09/07/2007			9	8	8.0	7.0			8.8		8.4
3	2254802033179	Huỳnh Thị Hồng Anh	30/06/2006			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
4	2254802033180	Lê Ngọc Anh	28/03/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
5	2254802033181	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ánh	25/09/2007			5	5	5.0	9.0			7.8		7.2
6	2254802033182	Trần Tấn Dư	29/07/2006			8	7	8.0	7.0			7.3		7.4
7	2254802033183	Nguyễn Gia Hân	19/02/2007			9	7	9.0	7.0			8.8		8.5
8	2254802033184	Lê Trung Hiếu	25/11/2007			5	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.3
9	2254802033185	Nguyễn Phúc Khang	23/11/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
10	2254802033186	Nguyễn Minh Khôi	16/09/2007			10	10	10.0	10.0			9.5		9.7
11	2254802033187	Nguyễn Thành Lâm	10/02/2007			8	9	10.0	9.0			8.8		8.9
12	2254802033188	Nguyễn Thị Thùy Liên	04/07/2002			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2254802033189	Phan Thành Bảo Lộc	20/09/2007			10	9	9.0	10.0			8.3		8.8
14	2254802033190	Trần Thị Xuân Mai	15/06/2004			9	10	10.0	8.0			9.8		9.5
15	2254802033191	Nguyễn Thị Kim Minh	23/01/2007			7	5	5.0	8.0			8.5		7.6
16	2254802033192	Trác Diệu Minh	17/10/2007			5	6	5.0	6.0			0.0	0.0	2.2
17	2254802033193	Lê Ngọc Phương Nghi	16/04/2007			10	10	10.0	9.0			8.3		8.8
18	2254802033194	Huỳnh Bảo Ngọc	27/12/2007			7	5	9.0	9.0			8.3		8.2
19	2254802033195	Nguyễn Thanh Nhon	11/03/2007			10	10	9.0	9.0			8.8		9.0
20	2254802033196	Nguyễn Quỳnh Như	27/04/2007			8	9	10.0	10.0			8.5		8.9
21	2254802033197	Nguyễn Ngọc Tố Quyên	25/07/2007			10	10	10.0	9.0			8.0		8.7
22	2254802033198	Huỳnh Lịch Sứ	22/06/2007			7	9	9.0	8.0			9.3		8.9
23	2254802033199	Trần Thị Thanh Thảo	07/09/2007			10	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.7
24	2254802033200	Dương Phước Thiện	12/03/2007			10	9	9.0	10.0			9.0		9.2
25	2254802033201	Nguyễn Phú Thọ	07/09/2007			10	10	9.0	9.0			7.5		8.2
26	2254802033202	Lê Huỳnh Anh Thư	29/09/2007			8	7	9.0	7.0			8.5		8.2
27	2254802033203	Phạm Lý Anh Thư	19/10/2007			7	7	5.0	9.0			8.5		7.9
28	2254802033204	Ngũ Văn Tòa	29/12/2007			10	10	10.0	9.0			8.5		9.0
29	2254802033205	Huỳnh Huyền Trang	22/09/1992			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
30	2254802033206	Lê Quốc Anh Tuấn	12/03/2007			10	8	10.0	8.0			7.8		8.3
31	2254802033207	Nguyễn Bình Thiên Tường	26/08/2006			8	10	9.0	9.0			9.0		9.0
32	2254802033208	Lâm Kim Thảo Uyên	08/04/2007			5	5	8.0	8.0			7.8		7.5
33	2254802033209	Phan Thị Thúy Vân	10/09/2007			8	8	5.0	9.0			9.3		8.5
34	2254802033210	Bùi Ngọc Triệu Vy	17/07/2007			9	10	10.0	10.0			9.5		9.6
35	2254802033211	Nguyễn Thị Cẩm Xuyên	30/11/2007			9	5	8.0	5.0			9.8		8.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 20 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Phong